

BẢNG ĐIỂM THI TỔNG CỤC 08,09.03.2025

STT	HỌ	TÊN	SBD	NĂM SINH	SỐ ID	CẮT DA	ĐIỂM CỘNG CUỐI KHÓA	SGVG	ĐIỂM CỘNG E-MANICURE	ĐÁP BỘT DESIGN	ĐIỂM CỘNG CUỐI KHÓA	TỔNG ĐIỂM VẼ (VẼ GEL, NỒI, ĐÍNH ĐÁ, VMTH)	ĐIỂM CỘNG BÀI TẬP	TB TH	Lý Thuyết	Tổng cộng	Xếp Loại
1	Trần Thị Thúy	An	001	18/07/1990	KP2168	8.7	+1	9.3		8.9	+1	42	+4	9.5	8.9	9.3	Xuất sắc
2	Trần Hoàng	Anh	004	25/01/1995	KP2043	8.6	+1	8.5	+0.5	8	+1	41.5	+4	9.2	7.5	8.6	Giỏi
3	Nguyễn Mạnh Thảo	Anh	005	15/06/2003	KP2141	8.2	+1	8.7		7.2	+1	42.5	+4	8.9	9.4	9.1	Xuất sắc
4	Nguyễn Thúy	Đào	006	12/12/1995	KP2087	8.7	+1	9.2		8.7	+1	41	+4	9.4	10	9.6	Xuất sắc
5	Nguyễn Kiều	Diễm	007	27/08/1990	KP2107	8.4	+1	7.5		7.6	+1	37.5	+3	8.4	7.4	8.1	Giỏi
6	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	008	15/02/1977	KP2028	7.3	+1	8		6.3	+1	36.5	+2.5	7.9	9.2	8.3	Giỏi
7	Ngô Thị Mỹ	Duyên	009	06/02/2006	KP2228	8.1	+1	8.8		7.1	+1	36.5	+4	8.5	9	8.7	Giỏi
8	Trần Ngọc	Hân	010	25/11/2006	KP2054	7.8	+1	8.3	+0.5	7.4	+1	42.5	+3	8.8	9.7	9.1	Xuất sắc
9	Lê Thị Ngọc	Hân	011	03/08/2005	KP2373 TS tự do	7.7	+1	8.3		7.4	+0.5	38	+0	8.1	6.7	7.6	Khá
10	Lê Thị Ngọc	Hằng	012	06/05/1988	KP2009	8	+1	8.3	+0.5	8	+1	42	+4	9	8.5	8.8	Giỏi
11	Mai Thị Ngọc	Huyền	015	11/06/2001	KP2174	8.5	+1	8.3		8.7	+1	40.5	+4	9.1	8.7	9	Xuất sắc
12	Trần Hoàng	Lâm	016	21/02/1990	KP2192	7.8	+0.5	8.8		6.4	+1	39.5	+4	8.3	9	8.5	Giỏi
13	Trương Thị Thanh	Lan	017	12/12/1999	KP2048	7.3	+0.5	8	+0.5	6.3	+1	39	+4	8.1	8.6	8.3	Khá
14	Võ Thị Thùy	Linh	019	03/02/1997	KP2066	7.9	+1	8.5	+0.5	7.8	+1	37.5	+3	8.7	9	8.8	Giỏi
15	Nguyễn Tuệ	Linh	020	14/05/2003	KP1944	6.8	+0.5	6.8		7.4	+1	34.5	+4	7.6	6.8	7.3	Khá
16	Cao Thị	Ngọc	024	07/07/1986	KP2234	7.3	+1	8		7.2	+1	34.5	+4	8.1	9.9	8.7	Giỏi
17	Đinh Ngọc Mỹ	Phương	030	15/12/1982	KP2152	8.4	+1	8.7		7.1	+1	36	+3	8.5	9.5	8.8	Giỏi
18	Trần Thế	Phương	031	28/07/1992	KP2186	7.8	+1	8.5		8.1	+1	39.5	+3	8.7	7.8	8.4	Giỏi
19	Võ Anh	Thư	034	27/06/2002	KP869	8	+0.5	8.5		6.5	+1	37	+2.5	8.1	9.6	8.6	Giỏi
20	Trần Thùy Minh	Thư	035	23/05/2006	KP2144	8.4	+1	8.8		6.9	+1	39	+3	8.6	6.5	7.9	Khá
21	Son Thị Hồng	Thuyền	036	30/09/2000	KP572 T114931	9	+1	9.5		7.8	+1	41	+3	9.3	6.4	8.3	Giỏi
22	Lê Thị Cẩm	Tiên	037	17/10/2003	KP2232	7.9	+1	8.5		7.5	+1	34.5	+4	8.4	9.9	8.9	Giỏi
23	Nguyễn Thị Huyền	Trang	038	19/09/2003	KP2165	7.6	+1	8.8		7	+1	39.5	+4	8.5	9.8	8.9	Giỏi
24	Đoàn Thị Thanh	Tú	039	21/04/1984	KP1932	7.6	+1	8.8	+0.5	7.9	+1	40.5	+4	8.9	9.9	9.2	Xuất sắc
25	Lê Anh	Tuấn	040	27/07/1978	KP2253	7.8	+1	7.5		6.5	+0.5	34	+4	7.7	8.8	8.1	Giỏi
26	Thái Thị Bạch	Tuyết	042	19/08/1984	KP2090	8.3	+1	8.3		7.9	+1	38.5	+3	8.7	9.9	9.1	Xuất sắc
27	Nguyễn Thị	Vàng	043	19/12/1997	KP1965	8.2	+1	9		8.2	+1	42	+4	9.2	6.6	8.3	Giỏi
28	Nguyễn Như	Ý	047	23/03/2008	KP1605	8	+1	7.5		7.2	+1	36.5	+4	8.2	6.9	7.8	Khá